TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thia.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phước Thị Kim Huê.

Bà Nguyễn Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ý Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 26/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị C, sinh năm 1978 (Có đơn xét xử văn mặt);
- *Bị đơn:* Anh Kim D, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị C trình bày.

Chị và anh Kim D quen biết nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên chị và anh D tổ chức đám cưới vào năm 1999 và không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống riêng tại ấp T, xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Kim Hoàng N, sinh năm 2002 đã trưởng thành. Về tài sản, nợ chung không có. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Sau khi đám cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì hai vợ chồng phát mâu thuẫn, anh D thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về chửi bới, đánh đập chị nên chị và anh sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị yêu cầu Toà án giải quyết

như sau: Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh D. Về con chung: đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Kim D vắng mặt: Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D không chấp hành nên Tòa án không thể lấy lời khai, cũng như tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị C. Bị đơn anh Kim D, sinh năm 1983, địa chỉ ấp T, xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh được quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân, chị Thạch Thị C và anh Kim D quen biết và sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện. Chị Thạch Thị C cho rằng chị và anh D sống chung với nhau không có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh D thấy rằng quá trình sống chung chị C và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị C xác định không còn tình cảm với anh D và cương quyết ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh D nhiều lần nhằm mục đích hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh D không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng minh rằng anh D không tôn trọng pháp luật, không còn tình cảm với chị C và cũng không cần thiết hàn gắn việc hôn nhân gia đình giữa anh và chị C. Tất cả các điều đó cho thấy hôn nhân của anh D, chị C mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh D, chị C và con. Việc sống chung như vợ chồng giữa chị Thạch Thị C và anh Kim D mà không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên hôn nhân này không hợp pháp. Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: "*Việc kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định. Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý"*. Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao,Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 1986**;** Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Thạch Thị C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị C.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thạch Thị C và anh D.

Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Thạch Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003037 ngày 10/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

Về quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị C và anh Kim D vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thia